| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH SƠN LA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2030 /QĐ-UBND | *Sơn La, ngày 27 tháng 8 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 126/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn

đến 2050 với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Sở Xây dựng.

**3. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch**

Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020 (*Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 29/10/2013*), Sơn La đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; phát huy những lợi thế phát triển theo vùng *(Vùng kinh tế dọc quốc lộ 6, Vùng kinh tế dọc Sông Đà, Vùng cao và biên giới)*. Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của từng vùng trong tỉnh.

Để phát triển kinh tế xã hội vùng cao, biên giới; giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, an toàn biên giới; củng cố, tăng cường, mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với 09 tỉnh nước CHDCND Lào *(hợp tác cùng phát triển ổn định và bền vững)* thì việc lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc vùng cao, biên giới thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết; làm cơ sở định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị, phân bố điểm dân cư nông thôn; đầu tư xây dựng các trung tâm hành chính các cấp huyện, xã; xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình thiết yếu đảm bảo quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc biên giới vùng tây bắc *(đường tuần tra, mốc biên giới, đồn biên phòng, trạm kiểm soát...)* và ổn định đời sống dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng cao, biên giới theo định hướng phát triển mới trung và dài hạn, nhằm phát huy hiệu quả các lợi thế của vùng, làm căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức phát triển không gian lãnh thổ kinh tế - xã hội; xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của vùng, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội; từng bước xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới trở thành khu vực phát triển ổn định, bền vững.

**4. Quy mô, phạm vi nghiên cứu và giai đoạn lập quy hoạch**

***4.1. Phạm vi lập quy hoạch***

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính các huyện *Sốp Cộp, Sông Mã* và các xã *(Phiêng Pằn)* huyện Mai Sơn; *(Chiềng On, Phiêng Khoài, Lóng Phiêng, Chiềng Tương)* huyện Yên Châu; *(Chiềng Khừa, Lóng Sập, Chiềng Sơn)* huyện Mộc Châu, *(Tân Xuân)* huyện Vân Hồ;

- Ranh giới: Phía Tây Bắc giáp tỉnh Điện Biên; phía Bắc giáp các huyện dọc quốc lộ 6 *(Thuận Châu, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ)*; phía Nam *(khoảng 250 km)* giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tỉnh Thanh Hóa.

***4.2. Quy mô quy hoạch***

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: tổng diện tích tự nhiên khoảng 3.891 $km^2$;

- Quy mô dân số: Dân số trong vùng quy hoạch khoảng 251.410 người.

*(Quy mô dân số dự báo toàn vùng quy hoạch theo các giai đoạn sẽ được tính toán cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng).*

***4.3. Giai đoạn quy hoạch***

- Giai đoạn: 10 năm (*từ năm 2021 đến năm 2030*).

- Tầm nhìn: Đến năm 2050.

**5. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch**

***5.1. Quan điểm lập quy hoạch:***

- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ theo Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam – Lào đến năm 2020, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển quy hoạch tỉnh thời kỳ 2020 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, các quy hoạch ngành liên quan đến địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, xu hướng phát triển, tiềm năng, lợi thế, trong phát triển kinh tế của vùng;

- Đảm bảo ổn định giữ vững biên giới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, an toàn biên giới; củng cố, tăng cường, mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với 09 tỉnh nước CHDCND Lào;

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực bên trong, bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, nhanh và bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường;

- Đảm bảo sự thống nhất, ổn định, hiệu quả và dài hạn của các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ; đảm bảo quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác, hướng tới phát triển bền vững.

- Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở nhận thức đầy đủ, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với các điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của vùng; huy động tối đa sức lực, trí lực của hệ thống chính quyền tỉnh các cấp và đồng thuận của nhân dân trong vùng.

***5.2. Mục tiêu lập quy hoạch:***

- Xây dựng cơ sở pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp hoạch định chính sách, tổ chức phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng để góp phần ổn định giữ vững biên giới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, an toàn biên giới; củng cố, tăng cường, mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với 09 tỉnh nước CHDCND Lào; ổn định đời sống dân cư, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững cho khu vực vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La;

- Tạo lập phương án phát triển tổng thể, bố trí không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển và định hướng nhu cầu phát triển các khu chức năng trong tương lai trên cơ sở huy động các điều kiện, nguồn lực của vùng;

- Hướng tới phát triển ổn định vùng cao, biên giới trên các mặt: Bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, an toàn biên giới; mở rộng quan hệ, hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Là cơ sở để lập quy hoạch xây dựng nông thôn và dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật vùng liên huyện, vùng huyện thuộc vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La.

***5.3. Các nguyên tắc lập quy hoạch:***

- Tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo quy định của pháp luật liên quan và thực hiện đúng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

- Thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý hành chính, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh; đảm bảo mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, kết nối liên ngành, lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững, khả thi, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021-2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của tỉnh và cả nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, kế thừa với các quy hoạch đã được phê duyệt và quy hoạch tỉnh; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo tính liên kết phát triển không gian; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước và của tỉnh cũng như các quy hoạch các ngành, lĩnh vực đã có.

- Phân tích các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, của tỉnh trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực, phân bổ nguồn lực phát triển;

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định; đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng và giữa lợi ích của các vùng, các huyện, trong vùng quy hoạch.

**6. Tính chất của khu vực lập quy hoạch**

- Là vùng lãnh thổ biên giới phía Tây Bắc của tổ quốc; có chức năng quan trọng là nơi tuyến đầu trong chiến lược an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc lãnh thổ, chủ quyền của đất nước.

- Là cửa ngõ (*Cửa khẩu*) giao lưu mở rộng mối quan hệ, hợp tác quốc tế phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, an ninh, quốc phòng…vv.

- Là vùng cần tiếp tục quan tâm đầu tư củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, vùng cao, biên giới; do vậy, cần được quan tâm sắp xếp, ổn định các điểm dân cư; xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình thiết yếu đảm bảo quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc biên giới (phên dậu của tổ quốc), kết hợp với xây dựng đô thị, phát triển kinh tế xã hội vùng cao, biên giới trên địa bàn tỉnh.

- Là vùng bảo vệ môi trường sinh thái, trồng rừng và phát triển rừng, khai thác nguồn lợi từ rừng; khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; phát triển sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của vùng, của tỉnh.

**7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho khu quy hoạch**

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong quy hoạch tuân thủ thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng số QCVN 01:2019/BXD. Các chỉ tiêu áp dụng cụ thể xác định trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan, phù hợp với mục tiêu phát triển.

**8. Nội dung nghiên cứu quy hoạch**

***8.1. Yêu cầu về thu thập tài liệu, số liệu:***

- Thu thập, phân tích các thông tin dữ liệu cơ bản về hiện trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường và các yếu tố, điều kiện khác tác động đến phát triển đặc thù của vùng cao, biên giới và dự báo khả năng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Thu thập các tài liệu, số liệu về chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến kinh tế - xã hội của huyện;

- Thu thập các tài liệu về di tích, di sản văn hóa trong khu vực quy hoạch;

- Thu thập tài liệu về các dự án đầu tư xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tài nguyên, khoáng sản, môi trường trong khu vực quy hoạch.

***8.2. Yêu về đánh giá hiện trạng:***

- Phân tích, đánh giá liên kết với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của vùng trong tổng thể liên kết về không gian kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật; nội dung đánh giá cần nêu bật được sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng nổi trội;

- Rà soát và đánh giá các đề án, cơ chế, chính sách, quy hoạch, dự án đầu tư đã và đang triển khai, đặc biệt chú trọng đến các quy hoạch đô thị, nông thôn; các công trình đảm bảo quốc phòng, an ninh bảo vệ vùng biên giới *(đường tuần tra, mốc biên giới, đồn biên phòng, trạm kiểm soát...)*; các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, đường, trường học, các phòng khám đa khoa khu vực, bệnh viện huyện....; các chương trình hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo Nghị

quyết 30a, chương trình 135, nông thôn mới, ổn định dân cư.

- Khảo sát, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn giai đoạn 2011-2020; dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của vùng cao, biên giới gồm:

+ Hiện trạng sử dụng đất, đánh giá quỹ đất xây dựng;

+ Điều kiện tự nhiên: Địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, cảnh quan thiên nhiên, rủi ro, biến động của thiên tai biến đổi khí hậu;

+ Điều kiện xã hội: Quá trình hình thành và ổn định dân cư, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ tăng dân số cơ học, chất lượng độ tuổi lao động *(nam, nữ)*, việc làm, thu nhập bình quân, tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ đô thị hóa;

+ Thu thập số liệu, đánh giá các phong tục, tập quán đặc trưng, nét văn hóa của đồng bào dân tộc vùng cao, biên giới;

+ Cập nhật, đánh giá một số chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh nước bạn Lào giáp với Sơn La để đề xuất phương án quy hoạch phù hợp.

+ Hạ tầng xã hội: Hiện trạng, chất lượng các công trình văn hóa, thể dục thể thao, du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Y tế, các hệ thống thương mại, dịch vụ ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm; Chất lượng khu ở và nhà ở của dân cư;

+ Hạ tầng kỹ thuật: Khả năng đáp ứng về giao thông, cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường.

- Đánh giá tổng hợp vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường; phân tích đánh giá, rút ra những nhận xét về ưu, nhược điểm; làm rõ vị thế, vai trò giữ vững ổn định của vùng cao, biên giới đối với phát triển của tỉnh và các vấn đề cần quan tâm trong khu vực quy hoạch; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trong vùng.

***8.3. Định hướng phát triển không gian vùng***

*a) Yêu cầu chung:*

- Phân vùng kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Phân cấp, phân loại đô thị - nông thôn theo địa giới và quản lý hành chính. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động; nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô, ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu

vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; các công trình đảm bảo quốc phòng, an ninh bảo vệ vùng biên giới.

*b) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:*

- Định hướng phát triển không gian, những xu thế phát triển mới, các dự báo phát triển kinh tế của vùng, những tác động đến phát triển không gian khu vực quy hoạch; đảm bảo giữ vững sự ổn định, phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, thương mại, dịch vụ giao thương cửa khẩu gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Định hướng không gian phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (*công nghiệp, nông, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quốc phòng – an ninh*); không gian phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (*hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng, khu quân sự, an ninh*) đảm bảo phát huy các tiềm năng, lợi thế đặc thù của vùng.

- Định hướng phát triển đô thị: Hệ thống đô thị phát triển trên nguyên tắc gắn kết chặt chẽ với hệ thống đô thị trong tỉnh, vùng biên giới Việt Nam - Lào và vùng trung du và miền núi Bắc Bộ để khai thác được các thế mạnh về giao thông vận tải đường bộ, đường không, dịch vụ, du lịch, tài chính...; phát triển và phân bổ hợp lý các đô thị trên địa bàn; đề xuất phương án phân chia địa giới hành chính phù hợp với định hướng phát triển đô thị theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, phù hợp với đặc điểm, truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa truyền thống của vùng.

- Các điểm dân cư nông thôn: Xây dựng khu ở dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, có thể nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù;

- Vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất, bố trí các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề;

- Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp: Quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất tập trung;

- Phát triển vùng du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, văn hóa, tâm linh và bảo tồn phát huy giá trị các di tích;

- Xác định hướng phát triển chính dọc theo vùng cao, biên giới;

- Việc tổ chức không gian vùng cần tuân thủ nguyên tắc: Bố trí các khu chức năng hợp lý, khoa học, bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo quy mô theo tiêu chuẩn quy phạm, đáp ứng được các yêu cầu quản lý và hiệu quả trong sử dụng đất đai, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.

*(Đề xuất tối thiểu 02 phương án cơ cấu tổ chức không gian phát triển vùng, trong đó nêu các nguyên tắc tổ chức không gian, phân tích so sánh để lựa chọn phương án).*

***8.4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:***

Xác định các định hướng tổng quát về phát triển hạ tầng kỹ thuật khung

trên toàn vùng liên huyện vùng cao, biên giới, mối liên kết nội vùng và các vùng lân cận; đề xuất giải pháp thực hiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển.

*a) Quy hoạch hệ thống giao thông:*

- Cập nhật quy hoạch chuyên ngành giao thông và các quy hoạch khác liên quan;

- Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết vùng kinh tế, trục động lực kinh tế. Lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, tạo mối liên kết hợp lý trong vùng và liên kết với các hệ thống giao thông trên toàn tỉnh;

- Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường trục xã đảm bảo kết nối giao thông phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

- Xác định quy mô, vị trí các công trình đầu mối, bến xe đối ngoại; tổ chức giao thông công cộng;

- Nghiên cứu, đề xuất phương án quy hoạch hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối đồng bộ đường bộ, đường thủy và đường hàng không để phục vụ việc khai thác tối đa tiềm năng của vùng.

*b) Chuẩn bị kỹ thuật, thoát lũ và thoát nước mưa:*

- Đánh giá và phân loại đất xây dựng theo điều kiện tự nhiên. Từ đó đề xuất phương án phân vùng rủi ro, loại hình thiên tai đối với từng khu vực trên địa bàn để có phương án quy hoạch đáp ứng được yêu cầu phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn. Đề xuất các giải pháp san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn, các khu chức năng;

- Xác định hệ thống thoát nước đô thị và nông thôn (gồm mạng lưới trục tiêu chính, các công trình đầu mối tiêu thoát nước...). Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến thiên nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thuỷ lợi đầu mối, đê, đập..., cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng;

- Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu. Đề xuất các giải pháp xây dựng các công trình đầu mối và mạng lưới thoát nước mưa hợp lý.

*c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:*

- Lựa chọn nguồn nước: Đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên nước mặt và nước ngầm của từng địa phương, khả năng khai thác cấp nước sinh

hoạt và sản xuất. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nguồn cấp liên vùng;

- Rà soát, đánh giá các dự án, hệ thống cấp nước hiện trạng, các khu chức năng và cấp nước sạch nông thôn;

- Dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước trong vùng nghiên cứu, tính toán dự báo nhu cầu dùng nước trên địa bàn huyện, đề xuất quy mô các công trình đầu mối và giải pháp cấp nước cho các đô thị, các khu chức năng và các xã trên địa bàn huyện theo từng nguồn nước;

- Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là hệ thống các sông, suối, hồ trong huyện.

*d) Quy hoạch hệ thống cấp điện:*

- Xác định chỉ tiêu cấp điện, nhu cầu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị, các khu chức năng và các xã của vùng;

- Đề xuất các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển vùng. Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực cho các đô thị, các khu chức năng và các xã trên địa bàn huyện.

*đ) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc (TTLL):*

- Xác định chỉ tiêu TTLL, dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ thoại, internet, truyền hình, bưu chính trên cơ sở số liệu kinh tế của vùng, từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn, mạng lưới TTLL phù hợp với sự phát triển của khu vực;

- Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối TTLL, tổ chức mạng lưới đường dây TTLL và các trạm viễn thông cho từng giai đoạn quy hoạch, khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi toàn vùng.

*e) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang*

- Xác định vị trí, quy mô các khu xử lý CTR, nghĩa trang phục vụ khu vực đô thị, nông thôn trong vùng quy hoạch, đảm bảo theo quy định;

- Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, CTR, nhu cầu đất nghĩa trang cho các khu vực đô thị và các điểm dân cư nông thôn;

- Đề xuất mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô công suất các trạm xử lý nước thải. Các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý;

- Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có và đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR mới. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn;

- Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang, quản lý nghĩa trang đô thị, nghĩa trang tập trung.

*g) Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*

- Xây dựng phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khai thác, sử dụng tài nguyên phù hợp.

- Khoanh vùng cảnh báo những khu vực an toàn, không an toàn, nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai, ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất do biến đổi khí hậu.

*h) Đánh giá môi trường chiến lược:*

Đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch xây dựng vùng theo các văn bản pháp luật hiện hành. Nội dung chính như sau:

- Các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, bao gồm: sử dụng tài nguyên (*đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng, cảnh quan...*); áp lực phân bố dân cư, phân bố các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ (*công nghiệp, nông nghiệp, du lịch...*); môi trường lưu vực sông; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đói nghèo, suy thoái môi trường, thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất…;

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (*vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...*), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (*cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...*);

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch;

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (*rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...*).

***8.5. Yêu cầu về phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện:***

- Xây dựng danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện, đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

- Đề xuất phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các giai đoạn quy hoạch.

***8.6. Quy định quản lý***

Nội dung quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, bao gồm:

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý;
- Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế;
- Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn;
- Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã

hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường;

- Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng;

- Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng;

- Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng.

**9. Thành phần hồ sơ**

Hồ sơ sản phẩm đồ án quy hoạch gồm:

| Stt | Tên thành phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|
| **A** | **BẢN VẼ** (in màu) | |
| 1 | Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng | Tỷ lệ thích hợp |
| 2 | Các sơ đồ hiện trạng vùng: | |
| | - Sơ đồ điều kiện tự nhiên | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường | 1/25.000 |
| 3 | Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: | |
| | - Sơ đồ các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ các vùng du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật | 1/25.000 |
| 4 | Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: | |
| | - Sơ đồ giao thông | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ cao độ nền | 1/25.000 |

| | | |
|---|---|---|
| | - Sơ đồ thoát nước mặt | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ cung cấp năng lượng | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ viễn thông | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ cấp nước | 1/25.000 |
| | - Sơ đồ quản lý chất thải và nghĩa trang | 1/25.000 |
| 5 | Các bản vẽ đánh giá môi trường chiến lược | Tỷ lệ thích hợp |
| **B** | **VĂN BẢN, TÀI LIỆU** | |
| 1 | Thuyết minh đồ án phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ in màu khổ A3, ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh. | |
| 2 | Phụ lục kèm theo thuyết minh (*các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán*). Phụ lục đính kèm các văn bản pháp lý liên quan. | |
| 3 | Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng. | |
| 4 | Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch. | |
| 5 | Đĩa CD (*ghi toàn bộ nội dung hồ sơ quy hoạch*) | |

Số lượng: 12 bộ.

**10. Chi phí, nguồn vốn và thời gian lập quy hoạch**

***10.1. Dự toán:***

Giá trị dự toán lập quy hoạch *(Làm tròn)*. **4.837.000.000** đồng.

*Trong đó:*

- Chi phí lập quy hoạch 4.038.885.136 đồng
- Chi phí khác 797.647.313 đồng
+ Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch 179.850.000 đồng
+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch 32.700.000 đồng
+ Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch 178.269.046 đồng
+ Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư 80.777.703 đồng
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch 176.968.424 đồng
+ Chi phí công bố quy hoạch 121.166.554 đồng
+ Chi phí tư vấn lập HSMT; Đánh giá HS dự thầu (TT số 16/2019/TT-BXD) 23.546.700 đồng

+ Chi phí thẩm định HS mời thầu 2.019.443 đồng

+ Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu (NĐ 63/2014/NĐ-CP) 2.019.443 đồng

+ Đăng tải thông tin đấu thầu 330.000 đồng

***10.2. Nguồn vốn:*** Vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh năm 2021 và các năm tiếp theo.

***10.3. Thời gian lập quy hoạch:*** Năm 2021-2022.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư) phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Huyện ủy Vân Hồ;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b). 25b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

**Lê Hồng Minh**